TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-PT
Ngày 31 - 03 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 138/2024/TLPT-DS ngày 25/10/2024 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị R, sinh năm 1963, (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà R: Bà Lê Ngọc N, là Luật sư thuộc Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C, (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982, (vắng mặt)

3.2. Chị Phan Thị Mỹ L1, sinh năm 1986, (vắng mặt)

3.3. Chị Phan Thị Mỹ L2, sinh năm 1988, (vắng mặt)

3.4. Anh Phan Hắc L3, sinh năm 1990, (vắng mặt)

3.5. Ông Lê Văn H, sinh năm 1958, (vắng mặt)

3.6. Bà Lê Thị S (Lê Thị X), sinh năm 1960, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, anh Lê Văn T, sinh năm 1983.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ngày 29/5/2015 ông Phan Công T1 là chồng bà Lê Thị R nhận chuyển nhượng của anh Lê Văn Toàn P đất ngang 09m, dài 36m với giá 50.000.000đ, đất tọa lạc tại ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Việc giao dịch có làm tờ sang nhượng đề ngày 29/5/2015 do ông Nguyễn Việt T2 soạn thảo dùm, ông Phan Công T1 và ông Lê Văn T cùng ký, có ông Nguyễn Ly Q là trưởng ấp ký xác nhận, khi anh T giao đất cho ông T1 có ông Lý Văn Q1 trưởng ấp, ông Tống Duy T3 là Bí thư chi bộ ấp và ông Nguyễn Việt T2 cán bộ địa chính xã trực tiếp chứng kiến việc đo đạc giao đất của các bên. Sau khi hai bên ký tên vào tờ sang đất, ông T1 trả trước cho anh T số tiền 35.000.000đ và anh T đã đo đạc, cắm mốc đất giao cho ông T1 quản lý, sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng để nuôi cá, số tiền 15.000.000đ còn lại ông T1 sẽ trả trong thời hạn 15 ngày sau khi anh T sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất chuyển nhượng cho ông T1, hết hạn 15 ngày anh T không thực hiện theo thỏa thuận với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H là cha của anh T đứng tên chưa chuyển sang tên anh T, nên anh T hứa sau khi ông H sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh thì anh sẽ tách giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất chuyển nhượng cho ông T1. Do ông Phan Công T1 đã chết, năm 2022 anh T được ông H sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà R là vợ ông T1 yêu cầu anh T sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho bà R, nhưng anh T không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà R khởi kiện yêu cầu anh T tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao phần đất chuyển nhượng qua đo đạc thực tế có diện tích 323,7m^2 tọa lạc tại ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho bà R.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Năm 2015 anh có chuyển nhượng cho ông Phan Công T1 là chồng của bà Lê Thị R phần đất ngang 09m, dài 36m với giá 50.000.000 đồng, đất tọa lạc tại ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Việc giao dịch không làm giấy tờ, chỉ nói miệng với nhau và anh có nhận của ông T1 với số tiền 35.000.000đ, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 02 tuần ông T1 phải trả đủ số tiền còn lại thì anh sẽ tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Tuy nhiên, hết thời gian thỏa thuận mà ông T1 không trả đủ số tiền 15.000.000 đồng còn lại, nên anh đã chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T1 từ năm 2015 đến nay.

Tại thời điểm chuyển nhượng, phần đất chuyển nhượng anh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha anh là ông Lê Văn H đứng tên, thời điểm chuyển nhượng ông Lê Văn H chỉ nói cho anh phần đất diện tích 05 công, nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 13/4/2022 cha anh mới làm tục tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 251252 với diện tích 5.595,3m^2, trong đó bao gồm diện tích phần đất tranh chấp.

Do ông T1 không trả hết tiền chuyển nhượng đất, nên ngày 15/7/2022 anh lấy phần đất đã chuyển nhượng cho ông T1 trước đây để chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H1 một phần chiều ngang 8m, dài 36m, diện tích chung là 288m^2. Nay anh T đồng ý trả lại cho bà R số tiền 35.000.000 đồng đã nhận và đồng ý trả lãi suất từ khi nhận tiền năm 2015 đến nay theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Lê Thị S thống nhất trình bày: Cách nay trên 10 năm ông, bà có cho anh T một phần đất khoảng 8 công, trong đó có đất mặt tiền giáp lộ hiện đang tranh chấp, khi cho chỉ nói miệng chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm anh T chuyển nhượng đất cho ông T1 ông, bà không biết, đến khi hai bên phát sinh tranh chấp bà R mới nói cho ông Hiếu B. Nay ông xác định đất đã cho anh T thì T và bà R tự giải quyết với nhau, ông bà không có ý kiến gì.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R đối với anh Lê Văn T. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Công T1 và anh Lê Văn T, theo giấy tay chuyển nhượng đất ký kết ngày 29/5/2015.

Công nhận bà Lê Thị R được quyền sử dụng đất đối với diện tích 323,7m^2, thuộc một phần thửa số 49, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Lê Thị R có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16/9/2024, bị đơn anh Lê Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DSST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để xét xử lại. Tại phiên toà phúc thẩm, anh T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 27/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS, yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DSST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để xét xử lại. Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát

viên vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền, bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông Lê Văn H, bà Lê Thị S và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[1.2] Hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh T yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, để có căn cứ xét kháng cáo của anh T thì cần phải xem xét đến giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T với ông Phan Công T1.

[2.1] Trong quá trình tố tụng anh T thừa nhận ngày 29/5/2015 giữa anh và ông T1 có thoả thuận chuyển nhượng phần đất chiều ngang 09m chiều dài 36m với giá 50.000.000 đồng, theo bà R xác định ông T1 đã trả tiền chuyển nhượng đất 35.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng sẽ trả đủ sau khi anh T sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, còn anh T xác định có nhận của ông T1 35.000.000 đồng nhưng đây là tiền đặt cọc chuyển nhượng đất, số tiền 15.000.000 đồng còn lại ông T1 sẽ trả đủ sau 02 tuần, nhưng do hết thời hạn thoả

thuận ông T1 không trả thêm 15.000.000 đồng, nên anh đã huỷ bỏ việc chuyển nhượng đất giữa anh với ông T1.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ giấy tay chuyển nhượng đất lập ngày 29/5/2015 (bản photo), trong quá trình giải quyết vụ án, bà R không cung cấp được bản chính, anh T không thừa nhận chữ ký tên trong tờ sang nhượng đất lập ngày 29/5/2015, nên không giám định được chữ ký của anh T trong tờ sang nhượng đất đề ngày 29/5/2015. Tuy nhiên, anh T thừa nhận có thoả thuận giao dịch chuyển nhượng đất cho ông T1, nên có căn cứ xác định năm 2015 anh T và ông T1 có xác lập giao dịch chuyển nhượng đất với nhau. Tuy việc giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông T1 và anh T không thực hiện đúng về hình thức của giao dịch theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 và tại thời điểm giao dịch phần đất chuyển nhượng anh T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không đủ điều kiện chuyển nhượng theo Điều 188 Luật đất đai năm 2013, thuộc trường hợp pháp luật cấm giao dịch, căn cứ Điều 134 Bộ luật Dân sự năm 2005 giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1 và anh T vô hiệu tại thời điểm giao dịch.

[2.2] Xét việc giao đất và sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng, theo bà R xác định sau khi ông T1 giao số tiền 35.000.000 đồng cho anh T thì anh T đo đất giao đất cho vợ chồng bà sử dụng. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định, hiện nay phần đất nhận chuyển nhượng vợ chồng bà R chưa xây dựng nhà ở hay trồng cây lâu năm, phần đất nhận chuyển nhượng hiện nay là ao đìa, bà R xác định hiện nay bà đang thả cá nuôi, còn anh T xác định phần đất tranh chấp do anh đang quản lý, sử dụng thả cá nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1 và anh T đã không tuân thủ về hình thức và điều kiện chuyển nhượng, sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng bà R chưa sử dụng đất vào việc xây nhà ở kiên cố, ổn định và chưa trả đủ tiền chuyển nhượng cho anh T, nên không đủ điều kiện để xem xét công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất do vi phạm về hình thức và điều kiện chuyển nhượng.

[2.3] Xét hậu quả pháp lý của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án bà R không đặt ra yêu cầu anh T giao trả lại số tiền 35.000.000 đồng do ông T1 giao cho anh T và bà R cũng không đặt ra yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch khi bị tuyên bố vô hiệu, cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Bà R, anh T có quyền yêu cầu xem xét, giải quyết hậu quả pháp lý khi giao dịch bị tuyên bố vô hiệu ở vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đề nghị huỷ án sơ thẩm do không đưa chị Nguyễn Thúy H2 là vợ anh T và ông Nguyễn Văn H1 là người nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp của anh T ngày 15/7/2022 tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm anh T chuyển nhượng đất cho ông T1, phần đất do ông H là cha anh Toàn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của anh T và chị H2, cấp sơ thẩm không có căn cứ để đưa chị H2

tham tố tụng là phù hợp. Đối với ông Nguyễn Văn Hoàng cung C giấy tay chuyển nhượng đất giữa ông H1 với anh T lập ngày 15/7/2022 thể hiện anh T có chuyển nhượng cho ông H1 phần đất chiều ngang 8m chiều dài 36m, xét thấy giao dịch chuyển nhượng đất giữa anh T và ông H1 là một giao dịch khác, không liên quan đến giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông T1 và anh T, nên cấp sơ thẩm không có căn cứ đưa ông H1 tham gia tố tụng là phù hợp, trường hợp việc chuyển nhượng đất giữa ông H1 và anh T có phát sinh tranh chấp thì ông H1 có quyền khởi kiện anh T tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp pháp luật, nên không được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh Lê Văn T được chấp nhận một phần, nên anh T không phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Văn T, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DSST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 122, 134 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị R đối với anh Lê Văn T.

- Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Công T1 và anh Lê Văn T theo tờ sang đất lập ngày 29/5/2015 đối với phần đất chiều ngang 09m, chiều dài 36m, đo đạc thực tế diện tích 323,7m^2, thuộc một phần thửa 49, tờ bản đồ số 05, toạ lạc tại: Ấp D, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu vô hiệu.

Phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

+ Cạnh hướng Đông Bắc giáp phần đất anh Lê Văn T, có số đo 36m

+ Cạnh hướng Tây Nam giáp phần đất ông Vũ Quang T4, có số đo 36m

+ Cạnh hướng Đông Nam giáp phần đất anh Lê Văn T, có số đo 09m

+ Cạnh hướng T giáp ranh giải phóng mặt bằng của quản lộ Phụng Hiệp, có số đo 09m.

- Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu lập ngày 29/12/2022 được kém theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

2. Bà Lê Thị R có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên bố vô hiệu, theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị R được miễn nộp.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn T không phải chịu, anh Lê Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009118 ngày 16/9/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn